

Số: 224 /TB-CCTHADS

Tân Trụ, ngày 13 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc đấu giá tài sản (lần 5)

Căn cứ Quyết định số 658/2017/QĐ-PT ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 02/2016/KDTM-ST ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 1483/2011/DSPT ngày 01/12/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 54/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 224/QĐ-CCTHADS ngày 08/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 249/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 246/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 223/QĐ-CCTHADS ngày 08/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 06/QĐ-CCTHADS ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định số 09 /QĐ-CCTHADS ngày 11/4/2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ về việc giảm giá tài sản (lần 4);

Căn cứ Thông báo số 602/TB-CCTHADS ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 18/2023/HĐ-DVĐGTS ngày 12/4/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ và Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Long An;

Căn cứ Thông báo số 18/2023/TB-BĐGTS ngày 13/4/2023 của Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Long An Về việc đấu giá tài sản (lần 5).



Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thông báo về việc đấu giá tài sản như sau:

1. Tài sản bán đấu giá (Tài sản 2)

Tài sản đấu giá là tài sản thi hành án của bà **Nguyễn Thị Thu Hương - Chủ DNTN Thiên Tâm**

địa chỉ: D9/53 ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Quyền sử dụng đất

1.1. Thửa đất số 193 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.733 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612811, số vào sổ cấp GCN số H00814, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 2727,7 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 95 là 462,0 m².

1.2. Thửa đất số 195 tờ bản đồ số 01, diện tích 1.626 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612812, số vào sổ cấp GCN số H00813, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 1624,8 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa 122 là 138,4 m²; Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 122 là 11.0 m².

1.3. Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 01, diện tích 4.145 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612808, số vào sổ cấp GCN số H00811, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3980,2 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa số 130 là 278,7 m²; Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 130 là 1124,0 m²

1.4. Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 01, diện tích 4.227 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, GCN QSDĐ số AI 612810, số vào sổ cấp GCN số H00815, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3921,7 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích trong vùng phụ cận bảo vệ sông Cai Tài thửa số 73 là 431,7 m²; Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 73 là 478,6 m².

1.5. Thửa đất số 101 tờ bản đồ số 01, diện tích 3.357 m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (BHK), GCN QSDĐ số AI 619877, số vào sổ cấp GCN số H00846, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3044,3 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích trong vùng phụ cận bảo vệ sông Cai Tài thửa số 74 là 465,6 m²; Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 74 là 651,4 m².

1.6. Thửa đất số 2137 tờ bản đồ số 01, diện tích 400 m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT), GCN QSDĐ số AI 619880, số vào sổ cấp GCN số

H00849, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 400 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 89 là 18,6 m².

1.7. Thửa đất số 189 tờ bản đồ số 01, diện tích 1048 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 619878, số vào sổ cấp GCN số H00847, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 955,6 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 92 là 19,9 m².

1.8. Thửa đất số 2149 tờ bản đồ số 01, diện tích 220 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AK 693821, số vào sổ cấp GCN số H00934, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 29/10/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 266,5 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 93 là 127m².

1.9. Thửa đất số 2129 tờ bản đồ số 01, diện tích 934 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612809, số vào sổ cấp GCN số H00812, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 729,2 m².

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 94 là 366,5m².

1.10. Thửa đất số 187 tờ bản đồ số 01, diện tích 159 m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT), GCN QSDĐ số AI 619734, số vào sổ cấp GCN số H00845, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 29/6/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 109, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 159 m².

Vị trí, ranh giới, diện tích thực tế các thửa đất trên theo Mạnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai tại huyện Tân Trụ.

Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp 4, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Tình trạng tài sản:

- Trên khu đất có 01 trụ điện cao thế 500 KV; đường dây cao thế 500 KV đi ngang qua khu đất, cơ quan có thẩm quyền đã đền bù thiệt hại do bị hạn chế khả năng sử dụng đất.

- Phần diện tích thuộc hành lang an toàn đường điện 500 KV bị hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định pháp luật; người mua tài sản vẫn được làm thủ tục cấp GCN QSDĐ theo quy định Điều 166 Luật Đất đai.

- Hiện trạng các thửa đất đã san lấp, có ranh giới rõ ràng, hàng rào bao quanh khu đất.

2. Nhà ở (Chưa chứng nhận quyền sở hữu)



2.1. Nhà 1: diện tích 211,9 m² (xây dựng trên thửa đất số 73, TĐĐ số 8)

Kết cấu: loại nhà tạm; đà bê tông cốt thép, cột bê tông đúc sẵn, mái tole xi măng, đòn tay gỗ tạp, vách tường gạch, tô xi măng, không cửa.

Tình trạng tài sản: nhà xây dựng đã lâu, đã xuống cấp, hư hỏng nặng, gỗ mục.

2.2. Nhà 2: Diện tích 108,2 m² (xây dựng trên thửa đất số 73, TĐĐ số 8)

Kết cấu: loại nhà tạm; đà bê tông cốt thép, cột bê tông đúc sẵn, mái tole xi măng, đòn tay gỗ tạp, vách tường gạch, tô xi măng, không cửa.

Tình trạng tài sản: nhà xây dựng đã lâu, đã xuống cấp, hư hỏng nặng, gỗ mục.

2.3. Nhà 3: diện tích 88,8 m², (một phần diện tích nhà xây dựng trên thửa 89 TĐĐ số 8 và một phần diện tích nhà xây dựng trên thửa 92 TĐĐ số 8).

Kết cấu xây dựng: loại nhà bán kiên cố, 02 tầng; cột gỗ, cầu thang gỗ, mái ngói, đòn tay bằng gỗ tạp; tầng dưới không vách, lát gạch tàu + ceramic; tầng trên vách gỗ, sàn gỗ tạp.

Tình trạng tài sản: nhà đã xuống cấp, cây gỗ đã mục, hư hỏng nặng

3. Tài sản gắn liền với đất (*Chưa chứng nhận quyền sở hữu*)

3.1. Đường bê tông nội bộ: diện tích 603,6 m², trong đó: thửa 95 là 225,6 m²; thửa 130 là 319,1 m²; thửa 73 là 39,3 m²; thửa 94 là 19,6 m²

Kết cấu: đường bê tông nội bộ làm bằng bê tông

Tình trạng: đang sử dụng.

3.2. Hàng rào: dài 476,7 m

Kết cấu: xây gạch tô xi măng cao 1m, đà kiềng bên dưới, cột bê tông đúc sẵn, bên trên có lưới B40 cao khoảng 1,2m, riêng hàng rào tiếp giáp sông Cai Tài gắn thanh xi măng đúc sẵn.

Tình trạng tài sản: Đã cũ.

3.3. Giếng khoan: 01 cái.

Tình trạng tài sản: Hư hỏng, không còn sử dụng được.

3.4. Cây trồng:

- Cây sứ : 64
- Cây mít: 64
- Cây vú sữa: 03
- Cây nhãn: 18
- Cây mai vàng: 11
- Cây ổi: 25
- Cây Sapochê: 12

- Cây Sakê: 02
- Cây dứa: 18
- Cây xoài: 47
- Cây Sơ ri: 02
- Cây bưởi: 01

Tình trạng tài sản: Cây trồng không thường xuyên chăm sóc

2. Giá khởi điểm: 4.452.033.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng)

3. Tiền đặt trước: 667.804.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn ngàn đồng).

4. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

- Thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: trong giờ hành chính, liên tục kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến 16 giờ 30 ngày **09/5/2023**.

- Địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Long An - Địa chỉ: 47 đường Châu Văn Giác, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

5. Thời gian và địa điểm tổ chức bán đấu giá:

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Lúc **14 giờ 00** ngày **12/5/2023**

- Địa điểm tổ chức đấu giá: tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Long An

Theo quy định khoản 5 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014):

“Trước khi mở cuộc đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Người phải thi hành án có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản, mức phí tổn do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Thông báo này thay cho Giấy mời dự cuộc đấu giá.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- UBND xã Quê Mỹ Thạnh (để niêm yết)
- Niêm yết tại Chi cục THADS H. Tân Trụ;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Trần Quốc Việt